

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 20-02-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Hương.

Các Thẩm phán: Ông Cao Nhật Thanh;

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Trần Đức Thoại - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 70/2024/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 103/2024/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 54/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1980; trú tại: tổ I, khu phố P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương M, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: số B, đường số A, khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Đặng Thị Thu H, sinh năm 1986; địa chỉ: số A, đường N, KDC P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương và bà Lê Mỹ N, sinh năm 1998; địa chỉ: số D, khu phố H, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (theo Giấy ủy quyền ngày 17/12/2024), bà H có mặt, bà N vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn R1, sinh năm 1977; trú tại: khu phố P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương M.

5. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/11/2023 gửi Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, ông Nguyễn Văn R trình bày:

Ông R và bà Nguyễn Thị Phương M không đăng ký kết hôn và sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2019. Quá trình chung sống với nhau ông R và bà M có 01 con chung tên Nguyễn Phương Diễm Q, sinh ngày 10/7/2020.

Quá trình chung sống, thời gian đầu ông R và bà M sống hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng về sau giữa ông R và bà M phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không còn sự tôn trọng lẫn nhau, mâu thuẫn ngày càng trở nên gay gắt và trầm trọng. Hiện tại, tình cảm vợ chồng phai nhạt, không còn quan tâm nhau.

Ông R khởi kiện bà M yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị Phương M là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương Diễm Q, sinh ngày 10/7/2020 cho bà Nguyễn Thị Phương M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông R cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn khởi kiện ngày 30/10/2023 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/12/2023 gửi tại Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, bà Nguyễn Thị Phương M trình bày:

Ngày 05/4/2022, do cần tiền trả nợ nên ông Nguyễn Văn R có hỏi mượn của bà M số tiền 1.300.000.000 đồng. Bà M đồng ý cho ông R mượn và hai bên thỏa thuận ông R phải trả lại tiền cho bà M trong thời hạn 02 tháng, tính từ ngày cho mượn. Bà M không tính lãi suất đối với số tiền này trong thời hạn cho mượn. Hai bên thống nhất rằng bà M sẽ chuyển khoản trực tiếp cho người mà ông R nợ tiền.

Cùng ngày, bà M đã 03 lần chuyển khoản cho ông Nguyễn Văn R1 (chủ nợ của ông R). Lần 1 chuyển 450.000.000 đồng, lần 2 chuyển 450.000.000 đồng và lần 3 chuyển 400.000.000 đồng. Khi hết thời hạn cho mượn (hết ngày 05/6/2022), bà M đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Văn R trả nợ cho bà M. Tuy nhiên, cho đến nay ông R vẫn chưa trả. Điều này gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi chính đáng của bà M.

Bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên buộc ông Nguyễn Văn R phải có nghĩa vụ trả cho bà M tổng số tiền là: 1.494.220.000 đồng. Trong đó: Số nợ gốc là: 1.300.000.000 đồng; Số nợ lãi chậm trả tạm tính từ ngày 06/6/2022 đến ngày 06/12/2023 là: $1.300.000.000 \text{ đồng} \times 18 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 10.790.000 \text{ đồng} \times 18 \text{ tháng} = 194.220.000 \text{ đồng}$.

Ngày 06/3/2024, Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương chuyển vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn bà M và bị đơn ông R đến Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Ngày 08/4/2024, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý vụ án. Đến ngày 12/4/2024, thì nhập vụ án dân sự nêu trên vào vụ án hôn nhân gia đình về việc

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa nguyên đơn ông R và bị đơn bà M. Tư cách tố tụng của bà M thay đổi thành bị đơn, yêu cầu khởi kiện của bà M đối với ông R trong vụ án dân sự trở thành yêu cầu phản tố.

Tại Bản tự khai ngày 02/7/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Phương M trình bày:

Bà M và ông R chung sống với nhau từ ngày 20/5/2015, không có đăng ký kết hôn. Nhiều lần bà M hỏi ông R vì sao không đăng ký kết hôn thì ông R nói là để xét lý lịch rồi sẽ đăng ký. Nhưng trong công tác ngành, ông R gây ra nhiều việc, gặp nhiều sự cố và ông R hỏi mượn tiền bà M để lo việc riêng.

Trong quá trình chung sống ông R đã ngoại tình nhiều lần. Bà M thường bị ông R đánh đập vô cùng dã man, đánh cả con riêng của bà M. Nhưng sau đó ông R năn nỉ bà M và hứa sửa sai xin tha thứ nên bà M cũng mềm lòng và tha thứ cho ông R, mong vợ chồng cố gắng sống tốt với nhau.

Ông R gây ra nợ bên ngoài đem sổ đỏ của mẹ ruột ông R đi cầm cố, bị người ta đòi nợ, thừa kiện nên ông R năn nỉ bà M cho ông R mượn nợ để trả 200.000.000 đồng. Lúc đó bà M không có tiền và sợ công việc ông R bị ảnh hưởng nên bà M mới nói ông R mượn đỡ của chị hai bà M là bà Trần Thị H1 200.000.000 đồng để trả nợ, bà M sẽ bảo lãnh. Ông R hứa sau khi chia tài sản thừa kế của mẹ ruột ông R là bà Nguyễn Thị C thì sẽ bán trả nợ cho chị hai bà M. Bà M giữ bản photo giấy nợ của ông R, còn bản gốc bà M đã trả cho ông R khi ông R mượn tiền ông R1 trả cho bà M.

Ông R còn nhiều lần năn nỉ mượn bà M 1.000.000.000 đồng để lo việc riêng của ông R. Bà M và ông R không đăng ký kết hôn, ông R cũng ngoại tình lừa dối bà M nhiều lần nên không có gì chứng minh bà M là vợ ông R thì bà M không thể cho ông R mượn không được. Bà M cũng nói tình nghĩa thì tình nghĩa, cái nào cũng phải rõ ràng, ông R tạo niềm tin cho bà M bằng cách cưới bà M vào ngày 07 tháng 4 năm 2018. Sau khi cưới xong, ông R vẫn hỏi tiền của bà M để trả nợ cho giang hồ đang đòi nợ ông R.

Sau đó, bà M nói với ông R do không đăng ký kết hôn, không có tài sản chung nên bà M sẽ cho ông R mượn nhưng phải viết giấy nợ cho bà M. Nhưng bà M chỉ cho ông R mượn 01 tháng vì tiền này bà M cũng đang mượn bạn bè. Lúc đó ông R đồng ý và bà M cho ông R mượn thêm 1.000.000.000 đồng thể hiện ở giấy mượn tiền ngày 15/8/2019.

Nhưng khi lấy tiền trả nợ xong, ông R vẫn ngoại tình và đỉnh điểm ông R bỏ nhà theo người khác, bà M bắt tại trận không mảnh vải che thân. Cả ông R và cô gái đó sống với nhau trong căn trọ phường T lúc đó bà M đi cùng với em Á, chị L, anh H2 làm chứng. Nhưng khi về nhà ông R không hề biết sai trái vẫn đánh đập bà M. Khi bà M đòi đi thưa với những thương tích và số tiền ông R mượn thì ông R bắt đầu năn nỉ bà M, xin lỗi bà M, bà M mềm lòng lại tha thứ cho ông R vì sợ thưa cũng ảnh hưởng công việc ông R nên bà M bỏ qua.

Quá trình sống bà M bị ông R đánh đập dã man và đánh đập con riêng của bà M là bé L1 vô cùng độc ác. Những thương tích bé L1 con của bà M mang là do ông R đã dùng nghiệp vụ đánh đập con bà M. Trong khi con của bà M là một đứa trẻ bị chậm nói và tự kỷ nhẹ. Nhìn vết thương của con bà M đau lòng vô cùng.

Ngày 10/01/2022, lúc đó ông R đã bỏ nhà đi theo người khác 06 tháng, bà M vẫn ở nhà chăm con nhỏ cùng với cô Ú giúp việc phụ bà M chăm bé Diễm Q (con chung của bà M và ông R). Khi bà M đang bị nhiễm C1 nằm trong phòng thì bất ngờ ông R về, vô phòng đòi quan hệ với bà M. Do bà M bệnh không thể quan hệ nên bà M giãy dụa từ chối thì bị ông R đánh đập dã man rồi bỏ đi trong khi trên người bà M có nhiều vết thương bầm tím, tức nước vỡ bờ bà M đòi thưa ông R và nói với ông R rằng bà M không thể nào sống với con người của ông R nữa, quá dã man, bà M nói sẽ ra Công an thưa.

Khoảng ngày hôm sau, ông R điện thoại năn nỉ bà M, bà M nói là thưa thì ông R sẽ bị ra khỏi ngành. Thật lòng bà M cũng không mong muốn chuyện như vậy nên bà M mới nói là bây giờ bà M không ở với ông R nữa và bà M cũng đã gánh nợ đóng lãi quá nhiều hôm nay ông R đối xử với bà M như vậy và 06 tháng bỏ nhà đi theo người khác nên bà M yêu cầu ông R trả nợ cho bà M 1.000.000.000 đồng và 200.000.000 đồng của chị em bà M và 100.000.000 đồng ông R mượn vàng của mẹ bà M để đóng tiền án phí tranh chấp thừa kế tài sản thừa kế của ông R với gia đình ông R thì bà M sẽ không thưa kiện gì cả, đường ai nấy đi. Với điều kiện đó, ông R đồng ý và hứa sẽ trả cho bà M. Các khoản nợ này là các khoản nợ phát sinh trước khi ông R chuyển khoản cho bà M ngày 14/01/2022.

Đến ngày 14/01/2022, khi đó ông R điện thoại xin số tài khoản để chuyển tiền trả cho bà M và yêu cầu bà M trả những tờ giấy nợ và sổ đỏ cho ông R nhưng ông R không lên lấy mà ông R bảo ông R1 (gọi là anh út A) lên lấy. Khi đó bà M vừa kiệt sức vì bà M nằm bệnh viện do covid, bà M mới đưa 02 tờ giấy nợ và 01 sổ đỏ mang tên bà C cho cô Ú (Huỳnh Thị Ú) người phụ việc nhà của bà M đưa cho ông R1 có cô Ú làm chứng chính ông R1 lên nhà bà M lấy.

Nhưng bà M có photo giữ lại 02 tờ giấy nợ bản photo của bản gốc để lưu lại. Khi bà M nằm viện về ông R lấy cớ về thăm con luôi tới và năn nỉ xin bà M tha thứ. Ông R thường xuyên chửi bới khách hàng làm việc của bà M là anh Đình L2, em Đ những lời thô tục không cho tiếp xúc qua lại làm ăn với bà M. Vô nhà chị L năn nỉ chị L nhờ chị L năn nỉ bà M bỏ qua để về sống lại. Ngày qua ngày nhìn con mà thương vì sợ con không cha nên bà M cũng vì con mà chấp nhận, không có chuyện bà M năn nỉ ông R về sống lại và cho tiền ông R như lời ông R khai. Khi cho ông R quay về và khi quay về ông R bắt đầu dụ ngọt nói rằng bây giờ đóng 01 tháng cho ông R1 39.000.000 đồng tiền lãi, đóng không nổi nữa van xin bà M cho mượn lại số tiền trên để trả cho anh Út R2 để không phải đóng lãi nữa. Hứa rằng đất sắp chia xong rồi một tháng nữa sẽ xong, bán đất trả cho bà M rồi ông R đem giấy tờ đo vẽ về đưa cho bà M xem làm tin.

Nghĩ thương con và tính bà M rõ ràng nên bà M không đưa cho ông R vì sợ ông R sẽ không trả cho anh Út R2 và sẽ nói là sẽ không có mượn tiền bà M nên bà M nói rằng bà M sẽ chuyển thẳng cho anh Út R2 để lưu lại bằng chứng và cũng như cho mượn số tiền trên trả tới người mà ông R đang nợ. Ngày chuyển là ngày 05/4/2022, có ghi chú nội dung chuyển tiền. Khi trả xong ông R vẫn chứng nào tật nấy vẫn đánh đập bà M và quan hệ với rất nhiều phụ nữ, hết 01 tháng vẫn không thấy trả và nhiều tháng sau cũng không trả.

Sau này đình diễm ông R lừa bà M rất nhiều tiền kể cả tiền đi làm giấy tờ thừa kế mà bà M đã nhận của khách hàng. Khi đánh đập bà M rồi bỏ nhà đi theo người

khác còn lấy cắp tiền bà M trong két sắt có con của bà M nhìn thấy. Bà M có báo công an thì công an bảo làm đơn nhưng vì tình nghĩa vợ chồng bà M không đành lòng cầm đơn đi thưa ông R tội Trộm cắp tài sản được.

Nhưng hôm nay bà M đã nhiều lần gặp ông R để đòi nợ số tiền 1.300.000.000 đồng nhưng không trả, còn vu khống nói bà M chém ông R nhưng sự việc không phải như vậy là do ông R cầm hai con dao chém bà M liên tục nên bà M đỡ để tự vệ nên đứt tay ông R. Vì nhìn nhận một người chồng không có tình người muốn mưu hại vợ mình để đẩy vào tù, sống với người phụ nữ bia ôm quen trong bóng tối mấy năm nay, lừa gạt không biết bao nhiêu tiền của vợ mình nuôi người phụ nữ khác, con cũng không cấp dưỡng nên bà M nhờ pháp luật để đòi lại số tiền này để bà M trả nợ cho người ta để không còn nợ nần, bà M sẽ làm việc và nuôi con.

Bà M phản bác lại lời khai của ông R và ông R2 như sau: Ông R và bà M không có đăng ký kết hôn và cũng không có tài sản chung và phản bội nhiều lần, ông R về sống với bà M không chuẩn mực người chồng, người cha, thì không có lý do gì bà M lo không hay cho không ông R 1.300.000.000 đồng. Nếu nếu bà M nợ ông R thì làm sao ông R có chữ ký trong những tờ giấy nợ bà M còn lưu.

Nếu ông R cho bà M mượn, tại sao ông R chuyển tiền cho bà M thì lên nhà bà M lấy giấy nợ gốc và sổ đỏ gốc của gia đình ông R về. Mà điều quan trọng bà M đã nhờ cô Ú cất giữ và đưa cho ông R2 vì lúc đó bà M đang nằm viện vì bị ông R về đánh.

Những lời khai của ông R2 chỉ là suy đoán, sai sự thật và không hề biết nội dung của bà M với ông R nhiều lần xảy ra mâu thuẫn là có hay không và nguyên nhân tại vì ai. Nếu nói ông R bị thương là do bà M thì bà M yêu cầu ông R2 đưa ra bằng chứng. Bà M yêu cầu ông R2 đưa ra bằng chứng bà M ra cơ quan ông R quậy như lời ông R2 tự khai. Vậy thì bà M yêu cầu ông R2 cho bà M biết bà M và con riêng của bà M bị ông R đánh (hình ảnh) lúc đó ông R2 ở đâu có biết hay không, còn những vết thương ông R vu khống cho bà M là do ông R trình bày không có bằng chứng gì khẳng định bà M gây ra.

Bà M đi tìm ông R là đòi nợ ông R mượn của bà M không phải tới cơ quan quậy phá, vì bà M chỉ gặp ông R ngoài đường để đòi nợ không hề tới cơ quan quậy phá. Và khi bà M xuống nhà thì ông R đánh bà M, khóa cửa cổng không cho bà M về nhà nên buộc lòng bà M nhờ pháp luật can thiệp.

Nếu ông R nói bà M là yêu cầu đưa 1.300.000.000 đồng mới không quậy ông R thì giống kiểu tống tiền thì tại sao có những tờ giấy nợ đó có chữ ký của ông R. Số tiền đó bà M đi đòi là do ông R mượn của bà M, không có chuyện như ông R khai là bà M đòi tiền vô căn cứ để im chuyện giống như kiểu tống tiền, nếu tống tiền như ông R khai tại sao ông R không đi thưa bà M tội tống tiền ông R mà lại đồng ý trả cho bà M 1.300.000.000 đồng rồi lấy đi tờ giấy gốc và ghi trong tờ giấy chuyển tiền ngày 14/01/2022 là trả nợ cho bà M, phù hợp với những giấy nợ ông R ký nhận nợ của bà M. Bà M còn lưu lại bản photo khi đưa giấy nợ gốc cho ông R. Sau đó ông R về năn nỉ bà M ở lại với ông R lý do vì con chung của bà M với ông R để con đủ cha, đủ mẹ. Quá trình như vậy ông R cố tình năn nỉ bà M trả nợ cho ông R2 vì đóng lãi không nổi. Mục đích lấy giấy nợ gốc để xóa đi dấu vết giấy mượn tiền của bà M.

Bà M nhờ Tòa án can thiệp xử lý đúng pháp luật và bà M giao nộp những giấy photo nợ mà ông R đã nợ để Tòa án xem xét.

Bà M yêu cầu ông R và ông R2 đưa ra giấy nợ hay văn bản bà M đã thiếu nợ 02 ông ấy.

Bà M yêu cầu ông R đưa ra văn bản có chữ ký của bà M là đã cho ông R số tiền 1.300.000.000 đồng như lời ông R khai. Còn nếu ông R không đưa ra được là ông R hoàn toàn bịa đặt muốn lợi dụng lòng tin để chiếm đoạt tài sản của bà M.

Bà M không hề thiếu nợ ông R2 vì sao bà M lại chuyển 1.300.000.000 đồng để trả nợ cho ông R2.

Trong chuyển khoản ông R2 ghi là chuyển khoản cho ông R ngày 13/01/2022, trong chuyển khoản ông R ghi nội dung là chuyển trả toàn bộ số nợ cho bà M ngày 14/01/2022. Trong chuyển khoản của bà M ghi chuyển khoản tiền cho ông R trả cho anh Út R2 ngày 05/4/2022. Vậy thì có phải ông R mượn lại tiền của bà M trả cho ông R2 số tiền ông R đã mượn của ông R2 hay không? Lời khai của ông R và ông R2 nhiều mâu thuẫn mong Tòa án xem xét kỹ tình tiết để giành lại công bằng cho bà M.

Tại Bản tự khai ngày 22/02/2024, các Biên bản lấy lời khai ngày 04/6/2024 và ngày 30/8/2024, ông Nguyễn Văn R trình bày:

Vào năm 2018, ông R và bà M có quen biết và sau này về sống chung với nhau. Ông R là cán bộ Phòng Quản lý hành chính - Công an tỉnh B, mức lương hiện tại và phụ cấp của ông R hàng tháng khoảng 14.000.000 đồng. Còn bà M làm nghề tự do và có nhà cấp 4 do mẹ ruột cho tiền xây dựng khoảng 17 năm trước, tọa lạc phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Về con chung: Ông R và bà M có 01 con chung là cháu Q gần 4 tuổi và đang học mẫu giáo. Khi vợ chồng sống riêng vào tháng 8/2023, thì con do bà M nuôi. Hiện tại sức khỏe và trí lực của cháu phát triển bình thường. Bà M thường cấm cản không cho ông R đến thăm con và cũng không nhận cấp dưỡng hay những vật dụng thiết yếu khác.

Trong quá trình chung sống, ông R và bà M thường xảy ra cãi vã, bà M nhiều lần chửi bới, lăng mạ ông R và gia đình ông R. Bà M nhiều lần dùng dao chém ông R gây thương tích và ném quần áo quần phục, đồ cá nhân của ông R ra ngoài đường và đuổi ông R ra khỏi nhà. Việc làm của bà M khiến ông R bức xúc, không chịu đựng được nữa nên ông R đề nghị chia tay, không sống chung với bà M. Khi nghe ông R nói vậy, bà M nói muốn chia tay thì phải đưa cho bà M 1.300.000.000 đồng nếu không bà M sẽ ra cơ quan nơi ông R làm việc để chửi bới, lăng mạ, làm mất uy tín của ông R. Sự việc này đã xảy ra nhiều lần và ông R đã bị cơ quan nhắc nhở phải giải quyết việc gia đình không được làm ảnh hưởng tới cơ quan. Vì ông R không muốn ảnh hưởng công việc của cơ quan, uy tín của ông R và gia đình nên ông R chấp nhận. Ông R mượn tiền của anh ruột ông R là Nguyễn Văn R1 số tiền 1.300.000.000 đồng để đưa cho bà M, cụ thể: Ngày 13/01/2022, ông R1 chuyển 1.300.000.000 đồng vào số tài khoản của ông R là 65010001830004 tại Ngân hàng B - chi nhánh B1, giấy nộp tiền mặt số seri 0252 ngày 13/01/2022. Ngày 14/01/2022, ông R chuyển cho bà M số tiền 1.300.000.000 đồng vào số tài khoản của bà M là 0281000511836 tại Ngân hàng V - chi nhánh B1 và lập ủy nhiệm chi chuyển khoản có ghi "ONG NGUYEN VAN RONG TRA TOAN BO SO NO (1,3TY DONG) CHO BA NGUYEN THI PHUONG

MAI.SN: 1985.HKTT:SO 242.DUONG SO 1.KP 2.P.HOA PHU.TDM.BD DEN N 14/01/2022". Sau khi bà M nhận được tiền từ của ông R thì bà M muốn làm hòa và năn nỉ ông R về sống chung với bà M. Khi về sống chung, ông R có nhắc lại số tiền 1.300.000.000 đồng mà ông R chuyển cho bà M thì bà M nói trong lúc ông R đòi chia tay làm bà M tức giận nên mới đòi ông R 1.300.000.000 đồng chứ thực tế ông R không có mượn và nhận tiền của bà M, vì vậy bà M cảm thấy xấu hổ, xin lỗi ông R. Bà M cảm thấy việc làm của mình là không đúng nên bà M quyết định đem số tiền 1.300.000.000 đồng trả lại cho anh ruột của ông R là ông R1. Vào ngày 05/4/2022, bà M đã chuyển 03 lần tiền vào tài khoản số 05003267145 tại Ngân hàng S - chi nhánh B2. Sau đó, bà M vẫn chứng nào tật nấy. Đỉnh điểm là ngày 13/8/2023, bà M đã dùng 03 con dao gây thương tích cho ông R và ông R phải cấp cứu tại bệnh viện E giường. Vụ việc bà M gây thương tích cho ông R đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T thụ lý vụ án. Khi biết được tin này bà M làm đơn khởi kiện ông R ra Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên nói rằng ông R mắc nợ bà M. Ông R khẳng định là không có mượn tiền của bà M theo như đơn khởi kiện của bà M.

Đối với 02 giấy mượn tiền ngày 15/8/2019 và ngày 30/01/2019 do bà M cung cấp, ông R cho rằng ông không mượn tiền của ai, chữ ký, chữ viết không phải của ông R nhưng do bản photo không có giá trị về mặt chứng cứ nên ông R không cần thiết phải yêu cầu giám định. Nêu cho rằng ông R mượn bà H1 200.000.000 đồng năm 2019 thì tại sao từ năm 2019 đến nay bà H1 không hề có động thái gì với ông R. Bản thân ông R cũng không biết bà H1 là ai. Chỉ nghe nói bà M có chị dâu là bà H1 chứ không hề qua lại gì với nhau. Do vậy, ông R không thừa nhận hai chứng cứ này. Còn mẹ của bà M là bà N1 chết do covid năm 2021. Trước đó ông R không hề mượn vàng gì của bà N1, lời khai của bà M là gian dối và giả mạo chứng cứ để vu khống ông R.

Bản tự khai ngày 22/02/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn R1 trình bày:

Ông R1 là anh ruột của Nguyễn Văn R. Vào năm 2018, ông R có quen Nguyễn Thị Phương M. Trong quá trình quen và có sống chung với M, cả hai xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, chửi bới, lăng mạ ông R và đã 04 lần gây thương tích cho ông R. Đỉnh điểm là vào tháng 01/2022, bà M gây sức ép cho ông R nếu chia tay thì bà M nói ông R phải đưa số tiền 1.300.000.000 đồng nếu không đưa số tiền trên thì bà M sẽ ra nơi làm việc của ông R tức là Cơ quan Công an tỉnh B gọi tên ông R la hét dùng lời lẽ thô tục, chửi bới nhằm làm mất uy tín của ông R. Sự việc này lặp đi, lặp lại nhiều lần vì ông R là người Công an và không muốn ảnh hưởng đến công việc nên có hỏi ông R1 mượn số tiền 1.300.000.000 đồng để đưa cho bà M. Vì thương ông R và cũng sợ ảnh hưởng đến việc làm và uy tín của ông R và gia đình nên ông R1 đồng ý cho ông R mượn số tiền trên. Cụ thể vào ngày 13/01/2022, ông R1 có ra ngân hàng B - chi nhánh B2 chuyển vào số tài khoản 650100183004 của ông R với số tiền 1.300.000.000 đồng theo giấy nộp tiền mặt số 0252 ngày 13/01/2022.

Vào ngày 14/01/2022, ông R có chuyển khoản 1.300.000.000 đồng cho bà M theo ủy nhiệm chi ngày 14/01/2022 số tài khoản của M nhận là 028100511836 của Ngân hàng V - chi nhánh B1. Sau khi nhận được tiền bà M năn nỉ ông R về sống chung với bà M. Trong quá trình sống chung với ông R, bà M cảm thấy nhận 1.300.000.000 đồng của ông R là không đúng nên quyết định trả lại số tiền trên cho ông R1 thay cho ông R.

Vào ngày 05/4/2022, bà M có chuyển khoản 03 lần tổng cộng số tiền 1.300.000.000 đồng đúng với số tiền ông R1 cho ông R mượn vào tài khoản của ông R1 05033267145 tại Ngân hàng S - chi nhánh B2.

Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 103/2024/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn R đối với bà Nguyễn Thị Phương M về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị Phương M là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Phương Diễm Q, sinh ngày 10/7/2020 cho bà Nguyễn Thị Phương M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn R không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn trả lãi suất.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn - bà Nguyễn Thị Phương M đối với nguyên đơn ông Nguyễn Văn R về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07 tháng 9 năm 2024, bị đơn bà M kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về tranh chấp vay tài sản.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một kháng nghị một phần bản án sơ thẩm về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của bà M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, nhận thấy: số tiền 1.300.000.000 đồng ông R gửi cho bà M ngày 14/01/2022 nhằm mục đích trả khoản nợ ông R vay trước đó, không phải chuyển cho như ông R nói, từ “cho” ở đây Tòa án cấp sơ thẩm đang đánh giá là nhầm lẫn và tách hai từ “chuyển cho” ra để đánh giá trong vụ án. Đồng thời, Tòa cấp sơ thẩm phân tích "câu chữ" để cho rằng bà M chuyển khoản số tiền 1.300.000.000 đồng vào số tài khoản của ông R1 vào ngày 05/4/2022 là tự nguyện tặng cho ông R, trả nợ cho ông R là không phù hợp với tài liệu, chứng cứ cũng như lời khai của các bên. Việc bà M yêu cầu ông R trả nợ số tiền 1.300.000.000 đồng là có căn cứ và việc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một cho rằng số tiền 1.300.000.000 đồng bà M chuyển cho ông R1 là tặng cho ông R để không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà M đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà M. Từ những phân tích trên, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, giao con chung là cháu Nguyễn Phương Diễm Q, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2020 cho bà Nguyễn Thị Phương M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà M không yêu cầu ông R cấp dưỡng là có căn cứ. Đối với việc không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là không có căn cứ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Do đó, kháng cáo của bị đơn và quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên theo hướng chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông R có trách nhiệm trả cho bà M số tiền 1.300.000.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà M làm trong thời hạn kháng cáo nên hợp lệ và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 103/2024/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông R và bà M; giao con chung tên Nguyễn Phương Diễm Q, sinh ngày 10/7/2020 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con: Bà M không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Phần quyết định này của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét về tranh chấp vay tài sản.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các đương sự khai thống nhất ngày 13 tháng 01 năm 2022, ông R có nhận được 1.300.000.000 đồng từ ông R1 chuyển vào số tài khoản của ông R là số 65010001830004 số seri 0252, giấy nộp tiền mặt ngày 13 tháng 01 năm 2022, đây là tiền mà cá nhân ông R vay của ông R1. Ngày 05 tháng 4 năm 2022 bà M đã 03 lần

chuyển khoản cho ông Nguyễn Văn R1 (chủ nợ của ông R); lần 1 chuyển 450.000.000 đồng, lần 2 chuyển 450.000.000 đồng và lần 3 chuyển 400.000.000 đồng. Số tiền 1.300.000.000 đồng bà M chuyển cho ông R1 là để ông R trả tiền vay của khoản vay ngày 13 tháng 01 năm 2022 cho ông R1. Như vậy giao dịch vay mượn tiền của ông R và ông R1 đối với khoản vay ngày 13 tháng 01 năm 2022 đã chấm dứt.

[2.2] Ông R cho rằng ngày 13 tháng 01 năm 2022 ông R vay tiền của ông R1 là để đưa cho bà M, do bà M đã ép buộc ông R phải đưa cho bà M số tiền 1.300.000.000 đồng, nếu không bà M sẽ đến trụ sở cơ quan nơi ông R đang làm việc để quấy rối làm ảnh hưởng công việc của ông R. Sau khi nhận tiền từ ông R, bà M cảm thấy có lỗi và thấy xấu hổ nên đã trả lại số tiền này cho ông R bằng cách chuyển khoản cho ông R1 (chủ nợ của ông R). Tuy nhiên, bà M không thừa nhận trình bày này của ông R, ông R cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình; đồng thời cũng mâu thuẫn với nội dung chuyển tiền khi ông R chuyển khoản số tiền 1.300.000.000 đồng cho bà M vào ngày 13 tháng 01 năm 2022.

[2.3] Đối với bà M, bà M trình bày ngày 14 tháng 01 năm 2022, ông R chuyển khoản cho bà M số tiền 1.300.000.000 đồng để trả nợ cho bà M. Mặc dù bà M không xuất trình được chứng cứ là bản chính các giấy vay tiền, tuy nhiên nội dung chuyển tiền khi ông R chuyển khoản cho bà M đã ghi rõ là “ông Nguyễn Văn R trả toàn bộ số nợ (1.300.000.000 đồng) cho bà Nguyễn Thị Phương M...”.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, bà M đã 03 lần chuyển khoản cho ông Nguyễn Văn R1 (chủ nợ của ông R); lần 1 chuyển 450.000.000 đồng, lần 2 chuyển 450.000.000 đồng và lần 3 chuyển 400.000.000 đồng. Số tiền 1.300.000.000 đồng bà M chuyển cho ông R1 là để ông R trả tiền vay của khoản vay ngày 13 tháng 01 năm 2022 cho ông R1. Không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bà M tặng cho ông R số tiền 1.300.000.000 đồng để ông R trả nợ cho ông R1. Nội dung chuyển tiền khi bà M chuyển khoản cho ông R1 chỉ chứng minh được lý do chuyển khoản là để ông R trả tiền vay cho ông R1 chứ không chứng minh được bà M đã cho ông R số tiền 1.300.000.000 đồng như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm.

Ông R không chứng minh được đã trả khoản tiền nào cho bà M đối với số tiền mà bà M đã cho ông R vay để ông R trả tiền nợ vay cho ông R1 vào ngày 05 tháng 4 năm 2022, do đó bà M khởi kiện yêu cầu ông R trả số tiền 1.300.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.4] Về lãi suất: Theo đơn phản tố, bà M có yêu cầu về lãi suất, quá trình giải quyết vụ án bà M đã rút yêu cầu về lãi suất nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu phản tố của bà M là đúng quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà M và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí tòa án; nguyên đơn ông R phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn và án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho bị đơn.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 148, Điều 293, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ các Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Phương M.

2. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số: 62/QĐKNPT-VKS ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 103/2024/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật. Cụ thể:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn R đối với bà Nguyễn Thị Phương M về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị Phương M là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Phương Diễm Q, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2020 cho bà Nguyễn Thị Phương M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Phương Diễm Q đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn R không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn R không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 103/2024/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, cụ thể:

4.1. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Phương M về việc yêu cầu nguyên đơn ông Nguyễn Văn R trả lãi suất.

4.2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Phương M đối với nguyên đơn ông Nguyễn Văn R về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Văn R có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị Phương M số tiền 1.300.000.000 (một tỷ ba trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn R phải chịu 51.300.000 (năm mươi một triệu ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000589 ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Ông Nguyễn Văn R còn phải nộp 51.000.000 (năm mươi một triệu) đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương M không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương trả lại cho bà Nguyễn Thị Phương M số tiền 28.413.300 (hai mươi tám triệu bốn trăm mười ba nghìn ba trăm) đồng tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn T đã nộp thay bà Nguyễn Thị Phương M theo Biên lai thu tiền số 0001893 ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương M không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương trả lại cho bà Nguyễn Thị Phương M 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0003063 ngày 13/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.